

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **28/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 10-3-2022

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Nam
Bà Trần Thị Hồng Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Bà Lê Thị Hồng Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 540/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10/02/2022 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1979

Địa chỉ: tổ 17, khu P, thị trấn L, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Huỳnh D, sinh năm 1981

Địa chỉ: tổ 17, khu P, thị trấn L, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

(*Đương sự vắng mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Huỳnh D kết hôn với nhau vào năm 2003 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường 9, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 118, quyển số 01, ngày 03/10/2003.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống và ngày càng lạnh nhạt với nhau, hai người đã sống ly thân hơn 1 năm nay. Nay tôi nhận thấy không còn tình cảm với ông D, quan hệ hôn nhân của hai vợ chồng đã lâm vào

tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông D.

Về con chung: Tôi và ông D có 02 con chung là Nguyễn Thanh T – sinh ngày 20/5/2003, Nguyễn Thanh H – sinh ngày 16/10/2011.

Con chung Nguyễn Thanh T đã thành niên và có khả năng lao động, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung Nguyễn Thanh H đang do tôi nuôi dưỡng, ly hôn tôi yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thanh H, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn ông Nguyễn Huỳnh D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến làm việc, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải, phiên tòa nhưng ông D đều vắng mặt nên không có lời khai.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Đ.

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Đ được ly hôn với ông Nguyễn Huỳnh D.

+ Về con chung: Con chung Nguyễn Thanh T đã thành niên và có khả năng lao động, nên không giải quyết.

Giao con chung Nguyễn Thanh H – sinh ngày 16/10/2011 cho bà Nguyễn Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời ông Nguyễn Huỳnh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Bà Đ phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Huỳnh D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ và ông D.

[2] Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn” quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Huỳnh D tự nguyện kết hôn, được UBND Phường 9, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 118, quyển số 01, ngày 03/10/2003. Căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, xác định hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Huỳnh D là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn bà Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với lý do tình trạng hôn nhân giữa bà và ông D là trầm trọng, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn rất nghiêm trọng trong cuộc sống; hai người đã sống ly thân. Bà Đ xác định không còn tình cảm với ông D và yêu cầu xin ly hôn với ông D.

Tòa án đã xác minh tại địa phương (thị trấn L, huyện Long Thành) về tình trạng hôn nhân của bà Đ, ông D, kết quả như sau: Về mâu thuẫn giữa bà Đ và ông D địa phương không nắm rõ, tuy nhiên hiện nay bà Đ và ông D không còn chung sống với nhau.

Bị đơn ông Nguyễn Huỳnh D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến làm việc, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải, phiên tòa nhưng ông D đều vắng mặt, cũng không có ý kiến phản hồi về các nội dung theo đơn khởi kiện của nguyên đơn. Điều này cho thấy ông D không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân với bà Đ nữa, không có thiện chí hòa giải để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ với nhau. Do ông D không đến tham gia tố tụng tại Tòa án, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Theo tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án xác định tình trạng hôn nhân giữa bà Đ và ông D là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Huỳnh D.

[3.2] Về con chung:

Bà Đ và ông D có 02 con chung là Nguyễn Thanh T – sinh ngày 20/5/2003, Nguyễn Thanh H – sinh ngày 16/10/2011. Con chung Nguyễn Thanh T đã thành niên và có khả năng lao động, nên không giải quyết. Theo lời khai của bà Đ và xác nhận của chính quyền địa phương thì hiện nay bà Đ đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thanh H. Cháu Nguyễn Thanh H có nguyện vọng được sống với bà Đ.

Ông Nguyễn Huỳnh D không đến Tòa án tham gia tố tụng; không có ý kiến, yêu cầu gì về con chung, từ đó cho thấy ông D không có thiện chí hòa giải về vấn đề chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không có nguyện vọng nuôi con chung. Do vậy có cơ sở nào để giao con chung cho bà Đ nuôi dưỡng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét quyết định giao cháu Nguyễn Thanh H cho bà Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đ không yêu cầu, nên tạm thời ông D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đ xác định không có tài sản chung và nợ chung. Mặt khác do chưa có lời khai của ông Nguyễn Huỳnh D, nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình theo quy định.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 91, 147, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Đ được ly hôn với ông Nguyễn Huỳnh D.

2. Về con chung: Con chung Nguyễn Thanh T – sinh ngày 20/5/2003 đã thành niên và có khả năng lao động, nên không giải quyết.

Giao con chung Nguyễn Thanh H – sinh ngày 16/10/2011 cho bà Nguyễn Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Huỳnh D có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở ông D thực hiện quyền này.

Tạm thời ông Nguyễn Huỳnh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì quyền lợi của con chung chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà Đ đã nộp, theo Biên lai thu số 0004789 ngày 28/10/2021 của Chi cục thi hành

án dân sự huyện Long Thành được trừ vào tiền án phí bà Đ phải chịu. Bà Đ đã nộp xong.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- UBND xã, phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

Phạm Ngọc Quyền